TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2018/HNGĐ-PT
Ngày: 21-8-2018
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Trung.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Huỳnh

Bà Ngô Thị Bích Diệp

Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Thu Vân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương: Ông Phạm Văn Xông – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 25/2018/TLPT-HNGĐ ngày 23/7/2018 về việc "tranh chấp ly hôn, nuôi con".

Do Bản án sơ thẩm số: 69/2018/HNGĐ-ST ngày 15/6/2018 của TAND thị xã C, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 17/2018/QĐ-PT ngày 25/7/2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Cẩm T, sinh năm 1992; thường trú: Xã N, huyện M, tỉnh Vĩnh Long; tạm trú: Tổ H, khu phố A, phường B, thị xã C, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Phạm Văn T1, sinh năm 1989; thường trú: Thị trấn N, huyện M, thành phố Hà Nội. Tạm trú: Tổ H, khu phố A, phường B, thị xã C, tỉnh Bình Dương. Địa chỉ liên hệ: 854/14, khu phố E, phường B, thị xã C, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn anh Phạm Văn T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 27 tháng 02 năm 2018, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Cẩm T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Trần Cẩm T và anh Phạm Văn T1 tự nguyện chung sống, tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 86/2015 tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, thành phố Hà Nội vào ngày 06 tháng 11 năm 2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại địa chỉ tổ H, khu phố A, phường B, thị xã C, tỉnh Bình Dương. Vợ chồng chung sống với nhau nhưng luôn phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng trong việc chi tiêu trong gia đình, anh T1 không tôn trọng vợ con, những lúc cải nhau anh T1 còn đánh chị T từ đó dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, chị đã dọn ra sống riêng từ tháng 02/2018. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng với anh T1 không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh T1.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Phạm Trần Thanh T2, sinh ngày 14/4/2016. Sau khi ly hôn chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 15/3/2018, bị đơn anh Phạm Văn T1 trình bày: Thống nhất lời trình bày của chị T về quan hệ hôn nhân của vợ chồng, cuộc sống vợ chồng có những lúc cải nhau nhưng là những chuyện nhỏ nhặt nhưng chị T kiếm cớ bỏ nhà đi, hiện tại con chung cháu Phạm Trần Thanh T2, sinh ngày 14/4/2016 vẫn đang sống cùng anh. Vì còn thương vợ con nên anh không đồng ý ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Trường hợp chị T yêu cầu nuôi con phải đảm bảo để bà ngoại của cháu là người chăm sóc và phải ở gần chỗ anh dễ dàng thăm con. Quá trình tố tụng, bị đơn anh Phạm Văn T1 đã được Tòa án tống đạt, triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 10/5/2018; tham gia phiên tòa vào các ngày 30/5/2018 và 15/6/2018 nhưng anh Phạm Văn T1 vắng mặt không có lý do.

Ngày 04/5/2018, Tòa án xác minh tình trạng hôn nhân, quá trình chung sống giữa chị Trần Cẩm T và anh Phạm Văn T1 tại địa phương và được cung cấp: Chị T và anh T1 là vợ chồng, có đăng ký tạm trú tại tổ H, khu phố A, phường B, thị xã C, tỉnh Bình Dương. Từ lúc sống chung chính quyền địa phương không nhận được tin báo hay đơn yêu cầu giải quyết mâu thuẫn của vợ chồng anh chị. Hiện tại cả anh T1 và chị T đã bỏ đi nơi khác không còn sinh sống tại địa chỉ trên.

Tại Bản án sơ thẩm số: 69/2018/HNGĐ-ST ngày 15/6/2018 của TAND thị xã C, tỉnh Bình Dương xử: Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Cẩm T được ly hôn với anh Phạm Văn T1. Về con chung: Giao con chung Phạm Trần Thanh T2, sinh ngày 14/4/2016 cho chị Trần Cẩm T trực tiếp nuôi dưỡng. Sau ly hôn, chị Trần Cẩm T và anh Phạm Văn T1 có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh chị thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng. Anh Phạm Văn T1 không

phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Đương sự không có tranh chấp nên Tòa án không giải quyết. Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 27/6/2018 anh Phạm Văn T1 là bị đơn có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Anh T1 không đồng ý ly hôn chị T. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh T1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị xem xét cho anh được quyền nuôi con.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương: Những người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Chị T và anh T1 quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Về con chung: Chị T và anh T1 có một con chung là cháu Phạm Trần Thanh T2, sinh ngày 14/4/2016. Cháu T2 còn nhỏ chưa được ba tuổi, cần có sự chăm sóc của người mẹ. Tòa án cấp sơ thẩm xử chị T được ly hôn anh T1 và giao con chung Phạm Trần Thanh T2 cho chị T nuôi dưỡng là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của anh T1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Trần Cẩm T và anh Phạm Văn T1 tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn và được UBND thị trấn N, huyện M, thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 06/11/2015 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình sống chung, thời gian đầu hạnh phúc, anh và chị đã có một con chung là Phạm Trần Thanh T2, sinh ngày 14/4/2016. Về sau phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, các bên không tôn trọng nhau. Từ tháng 02/2018, anh và chị không còn chung sống với nhau, chị T đã ra sống riêng. Tại biên bản hòa giải ngày 25/7/2018 và tại phiên tòa phúc thẩm, anh T1 cũng thừa nhận rằng: Quá trình sống chung, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng không lớn và gia đình hai bên cũng có xích mích, anh có thể hàn gắn được và cam kết sửa chữa, thay đổi quan điểm cách sống nhưng trên thực tế vợ chồng vẫn không hàn gắn được tình cảm. Như vậy, có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Tòa án cấp sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T. Chị T được ly hôn anh T1 là có căn cứ, đúng pháp luật các Điều: 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Cháu Phạm Trần Thanh T2, sinh ngày 14/4/2016 đến thời điểm hiện nay là 28 tháng tuổi (dưới 36 tháng tuổi) cần có sự chăm sóc, nuôi dưỡng của người mẹ. Chị T làm việc tại văn phòng của công ty tại thị xã C, anh T1 làm bảo vệ của công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh. Cả hai đều có việc làm, thu nhập ổn định đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung. Theo quy định tại

khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *"Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con"*. Tòa án cấp sơ thẩm xử giao cháu T2 cho chị T nuôi dưỡng là đã xem xét đến điều kiện, hoàn cảnh của các bên, lợi ích của cháu T2 và có căn cứ, đúng pháp luật. Do vậy, yêu cầu kháng cáo của anh T1 là không có cơ sở chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm. Ý kiến của Kiểm sát viên là phù hợp.

[3] Án phí phúc thẩm: Anh T1 phải chịu theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung: Các đương sự không tranh chấp nên Tòa án không giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều: 147, 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ các Điều: 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ các Điều: 27, 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Phạm Văn T1. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 69/2018/HNGĐ-ST ngày 15/6/2018 của TAND thị xã C, tỉnh Bình Dương như sau:

-Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Cẩm T được ly hôn với anh Phạm Văn T1.

- Về con chung: Giao Phạm Trần Thanh T2, sinh ngày 14/4/2016 cho chị Trần Cẩm T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Phạm Văn T1 không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Phạm Văn T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh T1. Vì lợi ích của con, việc thay đổi người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Chị Trần Cẩm T và anh Phạm Văn T1 không tranh chấp, Tòa án không giải quyết.

2. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Chị Trần Cẩm T phải nộp 300.000 đồng, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018960 ngày 06/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Bình Dương.

- Án phí phúc thẩm: Anh Phạm Văn T1 phải nộp 300.000 đồng, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0019677, ngày 27/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Bình Dương.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 21/8/2018)./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS tx. C;
- TAND tx. C;
- UBND thị trấn N, huyện M, thành phố Hà nội;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa DS, Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thành Trung

Các Thẩm phán		**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**
Nguyễn Văn Huỳnh	**Ngô Thị Bích Diệp**	**Nguyễn Thành Trung**